

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 379/2022/DS-PT
Ngày 20-8-2022
“*V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 250/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: , ấp Tân Bình H, xã Tân H, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà B: Bà Lê Thị Huỳnh Ch, sinh năm: 1967. Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 05/02/2021;

Địa chỉ: , ấp T, xã Tân T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Châu L, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: , ấp T, xã Tân T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ủy ban nhân dân huyện Thanh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn N - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Văn Đ-Chức vụ: Phó chủ tịch. Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 28/03/2022.

3.2 Bà Lê Thị Huỳnh C, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: , ấp T, xã Tân T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

3.3 Bà Lê Thị Xuân B, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Khóm Tân T, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

3.4 Bà Lê Thị Bích C1, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Ấp T, xã Tân T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

3.5 Bà Lê Thị B, sinh năm: 1977;

Nơi cư trú: Số nhà , ấp T, xã Tân T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà B, bà B C1: Bà Lê Thị Huỳnh Ch, sinh năm: 1967. Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 21/02/2022, ngày 29/7/2022.

3.6 Anh Trần Ngọc Th, sinh năm: 1980;

Nơi cư trú: Số , ấp T, xã Tân T, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

* **Người kháng cáo:** Ông Lê Châu L là bị đơn.

Bà Huỳnh Ch, ông L, anh Th có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B cùng ủy quyền cho bà Lê Thị Huỳnh Ch trình bày:

Cha, mẹ là ông Lê Văn G, sinh năm: 1928 (chết năm 2020) và ông Trần Thị G, sinh năm: 1926 (chết năm 2020) chung sống với nhau có 06 người con gồm có: Lê Châu L, Lê Thị Huỳnh C1, Lê Thị Xuân B, Lê Thị Bích Ch, Lê Thị B, Lê Thị Ngọc B, ngoài không còn ai khác. Khi cha mẹ còn sống được ông bà nội cho đất và nhận chuyển nhượng của người khác, gồm tài sản như sau: Diện tích 6.932m² đất cò; Diện tích 12.905m² đất thổ cư và đất lúa 02 vụ, do ông Lê Văn G đứng tên giấy chứng nhận QSD đất vào năm 1994 và 01 căn nhà gỗ thao lao, sàn lót ván, mái lợp ngói, tọa lạc ấp Tây, xã Tân Thạnh. Năm 2008, ông G, bà G lập Hợp đồng tặng cho phân chia tài sản cho các con như sau: Ông Lê Châu L được cha mẹ chia cho diện tích 6.932m² đất cò, còn 12.905m² đất thổ và đất lúa thì chia đều cho 05 người con gái, mỗi người được hưởng 2.581m², gồm có bà Huỳnh Ch, bà B, bà B, bà B Ch, bà B. Tất cả các con của ông G đều đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, theo Hợp đồng tặng

cho đất của ông G, bà G vào năm 2008, còn căn nhà của ông G, bà G để lại do bà Lê Thị Bích Ch đang quản lý sử dụng. Bà B nhận tặng cho đất từ ông G, bà G theo Hợp đồng tặng cho QSD đất vào năm 2008, bà B được cấp giấy chứng nhận QSD đất gồm: Thửa 3982, diện tích 746,9m²(ONT); Thửa 3988, diện tích 1.429m²(L); Thửa 3993, diện tích 332m²(L), cùng tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc ấp Tây, xã Tân Thạnh, được UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 03/3/2008 cho bà Lê Thị Ngọc B. Năm 2015 bà B cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất mới là Thửa 18, tờ bản đồ số 102, diện tích 749,1m²(ONT, CLN); Thửa 133, diện tích 1.824,4m²(L), tờ bản đồ số 29, tọa lạc ấp Tây, được UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 16/12/2015 cho bà Lê Thị Ngọc B.

Ông G, bà G tặng cho QSD đất cho bà B thì trên đất có 01 căn nhà của bà Trần Thị S, loại nhà gỗ thao lao, sàn lót ván, mái lợp ngói diện tích ngang 4,7m x dài 8,7m = 41m², thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 102 nêu trên. Bà S là chị ruột của bà Trần Thị G, vào năm 1990 bà S có hỏi ông G, bà G cho một phần đất xây dựng nhà để ở, không có nói thời gian, đến khi nào chết thì trả đất lại, nếu khi chết không có đất thì cho chôn tại đất luôn. Khi ông G, bà G tặng cho đất cho bà B thì bà S vẫn còn sống và đang ở trên đất, đến năm 2013 bà S chết, bà S biết việc ông G tặng cho đất cho bà B, do khi Địa chính xã đo đạc có mặt của bà S nhưng bà S không có ý kiến và cũng không có tranh chấp. Bà S sống một mình, không có chồng con, anh Th là con ruột của ông L, do không có ai chăm sóc nên bà S nhận anh Th làm con nuôi, nuôi dưỡng đến khi anh Th 11-12 tuổi thì về sống chung với ông L, không có ở chung với bà S, hiện nay anh Th đã xây dựng nhà ở xã Kiến An, huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Sau khi bà S chết, ông L tự ý vô nhà của bà S ở chờ đến khi xây dựng nhà xong thì mới di dời về nhà mới ở cho đến nay, căn nhà của bà S hiện nay bỏ trống không có ai ở và cũng không có ai quản lý sử dụng.

Nay bà Lê Thị Ngọc B yêu cầu ông Lê Châu L, anh Trần Ngọc Th (con nuôi bà S) phải trả lại QSD đất cho bà B diện tích 161,4m² (ONT, CLN), thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 102, tọa lạc ấp Tây, xã Tân Thạnh, được UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 16/12/2015 cho chị Lê Thị Ngọc B và tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ của bà S diện tích 44,3m².

Bị đơn ông Lê Châu L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc Th ủy quyền cho ông Lê Châu L trình bày tại tòa sơ thẩm:

Nguồn gốc đất là của ông bà nội để lại cho cha Lê Văn G, diện tích

khoảng 10.000m² đất thổ cư và đất lúa 02 vụ, 01 căn nhà gỗ thao lao, sàn lót ván, mái lợp ngói, tọa lạc ấp Tây, xã Tân Thạnh, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Đối với phần đất diện tích 6.932m² đất nêu trên, không phải có nguồn gốc từ ông G, bà G cho mà do ông L được nhà nước cấp đất trước năm 1992 do ông G, bà G dự định xuất đất, đến năm 1992 ông L được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho đến nay. Khi cha mẹ còn sống thì không phân chia tài sản cho các con, việc ông G, bà G chia đất cho những người con gái mỗi người diện tích 2.581m² vào năm 2008 ông L không hay biết. Ông L không biết bà B được ông G, bà G tặng cho QSD đất thuộc thửa 3982, diện tích 746,9m² (ONT); Thửa 3988, diện tích 1.429m²(L); Thửa 3993, diện tích 332m²(L), cùng tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc ấp Tây, xã Tân Thạnh, được UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 03/3/2008 cho bà Lê Thị Ngọc B. Trên phần đất ông G, bà G tặng cho bà B là thửa 3982, diện tích 746,9m² (ONT), nay là thửa 18, tờ bản đồ số 102, có 01 căn nhà gỗ là của bà Trần Thị S (chị vợ của ông G), lý do bà S được xây dựng nhà là do bà S không có chồng con, không có nhà để ở và có hỏi ông G, bà G cho xây dựng 01 căn nhà trên đất để ở từ 1977. Bà S sống một mình, đến năm 1980 vợ ông L tên Nguyễn Thị Kim T, sinh được 01 người con tên Trần Ngọc Th, vợ chồng ông L thống nhất cho bà S nuôi dưỡng, việc cho con cho bà S nhận làm con nuôi chỉ thỏa thuận miệng không có làm giấy tờ, bà S đi khai sinh tên Trần Ngọc Th, sinh năm: 1980. Anh Th sống chung với bà S từ nhỏ đến lớn, đến năm 18 tuổi (năm 1998) anh Th đi làm và cũng thường xuyên về thăm bà S, ngoài ra không còn ai sống chung với bà S. Hiện nay anh Th được cấp sổ hộ khẩu địa chỉ số 600B, ấp Tây, xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Năm 2013 ông L chưa có nhà nên sống chung với bà S đến năm 2019, ông L xây dựng nhà khác và chuyển về nhà mới xây dựng ở cho đến nay.

Nay ông Lê Châu L, anh Trần Ngọc Th không thống nhất trả lại QSD đất cho bà B và không thống nhất tháo dỡ, di dời căn nhà của bà S, do nhà này của bà S xây dựng trên phần đất của ông G cho bà S, yêu cầu giữ y căn nhà cho ông L và anh Th sử dụng. Đối với việc bà B đứng tên giấy chứng nhận QSD đất nêu trên ông L, anh Th không có ý kiến hay yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích C1, bà Lê Thị Xuân B trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bà Huỳnh Ch về mối quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất tranh chấp. Năm 2008 ông G, bà G làm Hợp đồng tặng cho QSD đất cho 05 người con gái là Huỳnh Ch, Xuân B, Bích C1, B, B mỗi

người diện tích đất chiều ngang khoảng 8 mét mấy (không nhớ chính xác) chạy dài đến hết phần đất lúa. Khi làm Hợp đồng tặng cho QSD đất có Địa chính xã có xuống đo đạc, có sự chứng kiến của cha mẹ, các anh chị em và bà Trần Thị S. Bà Trần Thị S là chị ruột của ba Trần Thị G, do không có chồng con, nên ông G cho bà S phần đất để xây dựng nhà ở, không nhớ thời gian nào, bà S xây dựng nhà gỗ, mái lợp ngói như hiện nay. Khi ông G cho đất bà S để xây dựng nhà ở có thỏa thuận miệng cho bà S ở hết đời, khi nào bà S chết thì trả đất lại cho ông G, để ông G chia cho các con. Khi ông G làm thủ tục Tặng cho quyền sử dụng cho các con, ông G có nói với bà S là phần đất này chia cho bà B, bà S cũng đồng ý và nói khi bà S chết sẽ trả lại đất cho bà B. Bà S không có chồng con, có người con nuôi tên Trần Ngọc Th (là con ruột của ông L), bà S chết năm 2013, ông L có qua nhà bà S ở sau đó ông L về nhà của ông L ở, căn nhà của bà S để trống, không ai sử dụng cho đến nay. Bà S chết, không có để lại di chúc và cũng không có nói căn nhà của bà S để lại cho ai hết.

Nay bà B Chi yêu cầu do đất này ông G, bà G đã chia đất cho bà B, nên yêu cầu ông L di dời tháo dỡ nhà của bà S để bà B có đất để xây dựng nhà ở.

Bà Xuân B không có ý kiến hay yêu cầu trong vụ kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Thanh B:

Trước khi bà B được cấp giấy chứng nhận QSD đất nêu trên thì phần đất này được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Lê Văn Gầm, không xác định trình tự thủ tục, trên đất có nhà của bà S không xác định, bà B được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo Hợp đồng tặng cho QSD đất của ông Lê Văn Gầm, trình tự thủ tục tại thời điểm năm 2008.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Bích đối với bị đơn ông Lê Châu L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc Th về việc yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất và di dời, tháo dỡ tài sản.

Buộc bị đơn ông Lê Châu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc Th phải giao cho bà Lê Thị Ngọc B diện tích đất 161,4m² (ONT, CLN), trong phạm vi các mốc 01, 02, 08, 09, 05, 06, 07 trở về mốc 01, tại một phần thửa 18, tờ bản đồ số 102, giấy chứng nhận QSD đất do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp cho bà Lê Thị Ngọc B vào ngày 16/12/2015,

đất tại ấp Tây, xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc ông Lê Châu L, anh Trần Ngọc Th phải di dời, toàn bộ nhà, tài sản, cây trồng ra khỏi diện tích đất nêu trên để giao đất cho bà Lê Thị Ngọc B theo quy định của pháp luật.

(Kèm Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình; Sơ đồ đo đạc ngày 26/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình).

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Lê Châu L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc Th có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Lê Thị Ngọc B toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 2.385.000đ (*Hai triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc B toàn bộ số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số BI/2019-0014356 ngày 05/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn ông Lê Châu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc Th phải liên đới trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 4 năm 2022, ông Lê Châu L là bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Ông Lê Châu L không thống nhất di dời căn nhà trả lại phần đất có diện tích 161,4m² cho bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 18, diện tích 749,1m², đất ở nông thôn, cây lâu năm có nguồn gốc là của cụ Lê Văn G chết năm 2020 và cụ Trần Thị G chết năm 2020 là cha, mẹ của bà B và ông L. Năm 1993 cụ G kê khai đăng ký gồm các thửa đất số 1587, 2889, 2890, 1731 diện tích 13.280m², đến ngày 20/4/1994 cụ G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001, cụ G và cụ G lập di chúc phân chia tài sản cho các con. Đến ngày 28/01/2008, cụ G và cụ G ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Ngọc B diện tích 2.507,9m² gồm: Thửa đất số 3982 (1731), 3988 (2890), 3993 (2889), ngày 03/3/2008 bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa: Thửa đất số 3982, diện tích 746,9m², đất ở nông thôn; thửa đất số 3988, diện tích 1.429m², đất lúa; thửa đất số 3993, diện tích 332m², đất lúa cùng tờ bản đồ số 5, đến ngày 16/12/2015, bà B được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Thửa đất số 18, diện tích 749,1m², đất ở nông thôn, cây lâu năm, tờ bản đồ số 102; thửa đất số 133, diện tích 1.824,4m², đất lúa, tờ bản đồ số 29.

[2] Theo bà Huỳnh Ch thì năm 1990, cụ G có cho cụ Trần Thị S là chị của cụ G ở nhờ trên phần đất của cụ G, việc cho ở nhờ không có làm giấy tờ, đồng thời do cụ S không có chồng con, nên nhận con của ông L tên là Trần Ngọc Th làm con nuôi (không có giấy tờ), khi anh Th được khoảng 11-12 tuổi và về chung sống với ông L.

[3] Ông L cho rằng vào khoảng năm 1977, cụ G và cụ G có cho cụ S xây dựng 01 căn nhà, sau khi cụ S chết thì để lại căn nhà, nên anh Th là con nuôi được thừa hưởng, nên không đồng ý tháo dỡ căn nhà.

[4] Xét thấy, năm 2008 cụ G và cụ G tặng cho quyền sử dụng đất cho bà B và bà B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến năm 2015 bà B được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông L, anh Th không có tranh chấp hợp đồng tặng quyền sử dụng đất giữa cụ G, cụ G với bà B.

[5] Trên phần đất tranh chấp có căn nhà của cụ Trần Thị S chết để lại, nhưng bà B, ông L không có chứng cứ chứng minh được thời gian cụ S xây cất nhà và ông L cũng không có chứng cứ chứng minh phần đất cụ S xây cất

nhà được cụ G và cụ G cho. Theo bà Huỳnh Ch thì cụ G và cụ G chỉ cho cụ S ở nhờ, đồng thời theo lời khai của nhân chứng ông Tô Văn L xác định cụ G và cụ G chỉ cho cụ S ở nhờ trên phần đất của cụ G và cụ G và cũng theo ông L khi cụ G và cụ G lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bà B, cán bộ địa chính đo đạc, ông L và cụ S có chứng kiến, nhưng cụ S không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ, cụ S mặc nhiên thừa nhận ở nhờ trên phần đất cụ G.

[6] Mặt khác, các đương sự bà Ch, ông L đều thừa nhận cụ S không có chồng con, anh Th là con nuôi của cụ S, nhưng theo quy định của pháp luật không đủ điều kiện xác định anh Th là con nuôi, Án sơ thẩm xử buộc ông L, anh Th di dời toàn bộ nhà, tài sản, cây trồng ra khỏi diện tích đất, để giao đất cho bà B sử dụng, nhưng anh Th không có kháng cáo, thống nhất với bản án sơ thẩm. Như vậy, anh Th thống nhất di dời nhà, tài sản giao trả quyền sử dụng đất cho bà B.

[7] Hiện do anh Th không trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà của cụ S mà do ông L là người quản lý căn nhà của cụ S. Tại phiên tòa ông L trình bày ông L là người thờ cúng cụ S tại nhà của ông L, nhưng ông L không phải là người được hưởng di sản thừa kế của cụ S, nên việc ông L kháng cáo không đồng ý di dời toàn bộ căn nhà và tài sản để giao trả phần đất cho bà B là không có căn cứ.

[8] Do ông L là người quản lý căn nhà, nên án sơ thẩm xử buộc ông L, anh Th di dời toàn bộ nhà, tài sản, cây trồng ra khỏi diện tích đất, để giao đất cho bà B sử dụng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L.

[9] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp không chấp nhận kháng cáo của ông L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai; Điều 147; khoản 1, Điều 148; khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Châu L.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc B đối với bị đơn ông Lê Châu L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc Th về việc yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất và di dời, tháo dỡ tài sản.

3.1 Buộc bị đơn ông Lê Châu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc Th phải giao cho bà Lê Thị Ngọc B diện tích đất 161,4m² (ONT, CLN), trong phạm vi các mốc 01, 02, 08, 09, 05, 06, 07 trở về mốc 01, tại một phần thửa 18, tờ bản đồ số 102, giấy chứng nhận QSD đất do Ủy ban nhân dân huyện Thanh B cấp cho bà Lê Thị Ngọc B vào ngày 16/12/2015, đất tại ấp Tây, xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Buộc ông Lê Châu L, anh Trần Ngọc Th phải di dời, toàn bộ nhà, tài sản, cây trồng ra khỏi diện tích đất nêu trên để giao đất cho bà Lê Thị Ngọc B theo quy định của pháp luật.

(Kèm Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình; Sơ đồ đo đạc ngày 26/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình).

3. Về án phí;

3.1 Bà Lê Thị Ngọc B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc B toàn bộ số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số BI/2019-0014356 ngày 05/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Ông Lê Châu L và anh Trần Ngọc Th phải liên đới trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

3.3 Ông Lê Châu L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông L là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010222 ngày 01/6/2022, được trừ vào tiền án phí.

4. Về chi phí tố tụng:

Ông Lê Châu L và anh Trần Ngọc Th có trách nhiệm liên đới trả lại

cho bà Lê Thị Ngọc B toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 2.385.000 đồng (*Hai triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng